

Tháng 12
2021

SOBC 2021

TƯƠNG LAI CỦA NGÂN HÀNG TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

SOFTWARE
APPS CLOUDS
INFORMATION
COMPUTER PROCESSING
AUTOMATE M2M OPERATION
SMART PLANNING EDUCATION
ARTIFICIAL DEVELOPING
INTELLIGENCE RESEARCH
MACHINES WEB PREDICTIVE KDD PROJECTS
ADVERTISING BIG DATA ROBOT BRANDS ANALYTICS

SOBC Handbook
ISBN:

MỤC LỤC

<i>PHÁT BIỂU CỦA HIỆU TRƯỞNG UEH</i> _____	1
<i>GS. TS SỬ ĐÌNH THÀNH</i> _____	1
<i>THAM LUẬN 1: CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH THỨC ĐẨY TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG NGÀNH NGÂN HÀNG</i> _____	2
Ông Nguyễn Trung Anh Vụ Thanh toán – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
<i>THAM LUẬN 2: BANKING IN DIGITAL ERA</i> _____	3
Ông Đỗ Thái Bình Giám Đốc TTKD-KHDN Lớn - Hội Sở VIB	
<i>THAM LUẬN 3: NGÂN HÀNG TÍCH HỢP AI – XU THẾ CỦA TƯƠNG LAI</i> _____	5
Ông. Dương Lê Minh Đức Phó Tổng Giám đốc PTKD – FPT.AI	
<i>CHỦ ĐỀ 1: AI & BIG DATA TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG</i> __	12
Code 1. _____	12
Chatbot trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam. Lê Nguyễn Quỳnh Hương ¹ , Nguyễn Hữu Bình ²	
Code 2. _____	13
Some stylized empirical results on the effect of artificial intelligence in banking sector. Hau Long Le ¹ , Truc Viet Thanh Tran ² , Tuyen Bich Duong ³ , Tam Thi Thanh Nguyen ⁴ , Nghiem Tan Le ⁵	
Code 3. _____	14
Vai trò của dữ liệu lớn trong chấm điểm tín dụng trong lĩnh vực ngân hàng. Phạm Duy Tính ¹ , Đặng Văn Dân ²	
Code 4. _____	15
AI và Big data - Nền tảng cho sự phát triển của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong kỷ nguyên số. Nguyễn Quốc Anh ¹ , Tăng Mỹ Sang ²	
Code 5. _____	16
Chuyển đổi số - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ điện toán đám mây vào hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam.	

Phan Khánh Nhi¹, Nguyễn Thị Hồng Nhung², Nguyễn Thị Thanh Thảo³

Code 6.	17
Trí tuệ nhân tạo với việc nâng cao trải nghiệm dịch vụ ngân hàng.	
Đoàn Thị Thanh Hoà ¹ , Trần Thị Hồng Cúc ²	
Code 7.	18
Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực ngân hàng xu thế tất yếu của chuyển đổi số.	
Nguyễn Quốc Bình ¹ , Lê Tuấn Mạnh ²	
Code 8.	19
Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong dịch vụ tài chính.	
Ngô Minh Vũ ¹ , Nguyễn Hữu Huân ²	
Code 9.	20
Một số mô hình nổi bật ứng dụng AI vào đầu tư chứng khoán trên thế giới hiện nay.	
Vũ Thanh Tùng	
Code 10.	21
Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng trong ngành ngân hàng.	
Nguyễn Thị Diễm ¹ , Nguyễn Thị Ánh Ngọc ² , Đoàn Thị Thanh Hòa ³	
Code 11.	22
Machine learning and AI for risk management in Vietnamese Commercial Banks.	
Cuong Nguyen ¹ , Mai Trinh ² , Lan Nguyen ³	
CHỦ ĐỀ 2: NGÂN HÀNG VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ	23
Code 12.	23
Ảnh hưởng của ứng dụng công nghệ số đến năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam.	
Nguyễn Văn Thép	
Code 13.	24
Tác động của ICT đến rủi ro tín dụng trong cho vay của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.	
Nguyễn Hoàng Minh ¹ , Lê Hoàng Vinh ²	
Code 14.	25
Dịch vụ ngân hàng điện tử và hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam.	

Đinh Thị Thu Hồng¹, Nguyễn Hữu Tuấn², Trần Thị Hải Lý³

- Code 15.** _____ **26**
The bank adaptation strategy with the rise of Fintech.
Pham Phat Tien¹, Le Long Hau², Le Tan Nghiem³
- Code 16.** _____ **27**
Động cơ hợp tác giữa ngân hàng và fintech: quan điểm từ chuyên viên ngân hàng tại Việt Nam.
Lê Thị Bảo Châu¹, Phan Chung Thủy², Phan Thu Hiền³
- Code 17.** _____ **28**
Nhu cầu sử dụng ngân hàng số của khách hàng từ tác động của đại dịch Covid - 19.
Tăng Mỹ Sang¹, Nguyễn Quốc Anh²
- Code 18.** _____ **29**
Impact of information and communication technology on revenue diversification of commercial banks - Suggestions for developing fintech - banking trend in Vietnam.
Nguyen Tu Nhu
- Code 19.** _____ **30**
Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ngân hàng điện tử của khách hàng cá nhân trong giai đoạn covid-19 tại Việt Nam.
Lê Thị Thùy Linh¹, Nguyễn Thị Hồng Nhung²
- Code 20.** _____ **31**
Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng internet banking của khách hàng cá nhân.
Võ Nguyễn Minh Duyên¹, Lê Phan Thị Diệu Thảo²
- Code 21.** _____ **32**
EKYC – định danh khách hàng điện tử - hướng đi tất yếu của các ngân hàng thương mại Việt Nam.
Hạ Thị Hải Ly
- Code 22.** _____ **33**
Ngân hàng số và phát triển ngân hàng số tại Việt Nam.
Trần Văn Nghĩa¹, Hoàng Hải Yến², Cao Ngọc Thủy³
- Code 23.** _____ **34**

Phát triển nguồn nhân lực ngành ngân hàng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

Lê Hoàng Yên Khanh

Code 24. _____ 35

Triển vọng ứng dụng công nghệ chuyên đổi số trong quản trị rủi ro ngân hàng.

Nguyễn Từ Nhu¹, Phạm Phú Quốc², Trương Thị Hồng³

Code 25. _____ 36

Ngân hàng không chi nhánh (Branchless banking) và khả năng áp dụng ở Việt Nam.

Nguyễn Ái Vy¹, Lý Kim Khánh², Tống Kiều Anh Thy³, Nguyễn Thị Tuyết Nhi⁴, Nguyễn Thị Thảo Trang⁵, Hoàng Hải Yên⁶, Cao Ngọc Thuỷ⁷

Code 26. _____ 37

Triển vọng phát triển ngân hàng số tại Việt Nam.

Phạm Khánh Duy¹, Phan Kim Nhật Lệ²

CHỦ ĐỀ 3: THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VÀ CÔNG NGHỆ _____ 38

Code 27. _____ 38

Tài chính phi tập trung DEFI (Decentralized Finance): Xu thế tài chính mở và những thách thức.

Hoàng Hải Yên¹, Vũ Bích Ngọc²

Code 28. _____ 39

Tài chính phi tập trung và mô hình Dynamic Automated Market Maker – DMM.

Nguyễn Trung Thông

Code 29. _____ 40

Hoạt động cho vay ngang hàng (peer-to-peer lending) cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa – bài học kinh nghiệm của Trung Quốc và cơ hội phát triển cho Việt Nam.

Trần Phương Thảo¹, Phan Chung Thuỷ¹, Lê Văn Lâm³

Code 30. _____ 41

Ứng dụng Reinforcement Learning trong việc phân bổ tỷ trọng trong danh mục đầu tư chứng khoán- trường hợp thị trường chứng khoán Việt Nam.

Nguyễn Hữu Huân¹, Nguyễn Văn Phúc², Ngô Minh Vũ³

Code 31. _____ 42

Mối quan hệ nhân quả giữa tài sản cơ sở và hợp đồng tương lai Bitcoin: So sánh với dầu thô và cổ phiếu.

Nguyễn Ngọc Tú¹, Dương Duy², Lương Thị Thu Hiền³

Code 32. _____ 43

Thanh toán không dùng tiền mặt trên nền tảng điện thoại di động. Kinh nghiệm từ Trung Quốc và hàm ý chính sách trong điều kiện thực tế của Việt Nam.

Vương Thị Hương Giang¹, Nguyễn Hữu Mạnh²

Code 33. _____ 44

Đồng tiền kỹ thuật số của Ngân hàng Trung Ương – CBDC và vai trò của hệ thống ngân hàng.

Nguyễn Trí Minh¹, Đinh Thị Thu Hồng²

Code 34. _____ 45

A compilation of some successful and unsuccessful fintech models – a lesson for start-ups in Vietnam.

Hạ Thị Hải Ly

Code 35. _____ 46

Ứng dụng công nghệ Blockchain trên thị trường chứng khoán thế giới và gợi ý cho Việt Nam.

Phạm Khánh Duy¹, Lê Vũ Linh Toàn²

Code 36. _____ 47

Insurtech development in Southeast Asia.

Pham Khanh Duy¹, Huynh Thuy Duong²

Code 37. _____ 48

Sự phát triển của Fintech trên thế giới: trước và trong đại dịch Covid - 19.

Phạm Khánh Duy¹, Đào Kim Anh²

Code 38. _____ 49

The current state of Fintech in the world and Vietnam - Proposals for banks and Fintech to develop together in Vietnam.

Pham Khanh Duy¹, Pham Huynh Thu Uyen²

Code 39. _____ 49

Fintech và tác động của Fintech đến ngành ngân hàng: tổng kết nghiên cứu.

Gong Xiao Wen¹, Phan Chung Thuỷ², Trương Thị Nhi³, Vũ Minh Tuấn⁴

CHỦ ĐỀ 4: KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG CÔNG NGHỆ 4.0 _____ 51

Code 40. _____ 51

Bancassurance: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam trước cách mạng công nghệ 4.0.

Lê Minh Triết¹, Phạm Trường Thịnh², Phan Chung Thủy³, Phan Thu Hiền⁴

Code 41. _____ 52

Quy định và chính sách về tín dụng xanh trong hệ thống ngân hàng Việt Nam – trường hợp nghiên cứu tại ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Đỗ Hoài Linh¹, Trần Đức Anh², Khúc Thế Anh³, Lại Thị Thanh Loan⁴

Code 42. _____ 53

The role and influence of the online social network, personal traits and consumers' subjective perceptions on the purchase intention of organic foods.

Nguyen Quang Truong², Nguyen Vinh Huy³, Le Dang Anh Dung⁴, Tran Le Hai Vy⁵, Le Thi Hong Minh⁶

Code 43. _____ 54

Developing financial inclusion: A view from the stability of Southeast Asian countries' banks.

Nguyen Tu Nhu¹, Tram Thi Xuan Huong²

Code 44. _____ 55

Hoạt động phòng chống rửa tiền điện tử trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Phạm Khánh Duy¹, Cao Thượng Thiên Trang²

Code 45. _____ 56

A sketch method for automated redesign and verification of inter - organizational procedures based on deontic process modeling.

Vu H. Nguyen¹, Ronald M. Lee²

Code 46. _____ 57

Khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của các cá nhân sản xuất kinh doanh tại quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Nguyễn Ngọc Thiện¹, Phan Thu Hiền², Thân Thị Thu Thủy³

**CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA (SOBC2021):
"TƯƠNG LAI CỦA NGÂN HÀNG TRONG KỸ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO"**

Thời gian: 8h00, ngày 10-12-2021

Địa điểm: Trực tiếp và trực tuyến

KHAI MẠC

7h45 - 8h00	Đón tiếp đại biểu, khách mời	Ban tổ chức
8h15-8h30	Phát biểu khai mạc Hội thảo	GS. TS. Sử Đình Thành Hiệu trưởng UEH

PHẦN I: DIỄN GIẢ CHÍNH TRÌNH BÀY THAM LUẬN

Chủ tọa:

GS. TS. Sử Đình Thành

GS. TS. Nguyễn Trọng Hoài

Ông Nguyễn Trung Anh

PGS.TS. Tô Trung Thành

PGS. TS Lê Long Hậu

TS. Hoàng Hải Yên

TS. Phan Chung Thủy

- Hiệu trưởng UEH

- Tổng biên tập, Tạp chí NC Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES)

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học - Trường Đại học Kinh tế quốc dân - Hà Nội

- Giám đốc Trung tâm Đào tạo, nghiên cứu và tư vấn Kinh tế (CENTREC), Phó trưởng BM

Tài chính-ngân hàng, Đại học Cần Thơ

- Trưởng khoa Ngân hàng, trường Kinh doanh, UEH

- Phó trưởng khoa Ngân hàng, trường Kinh doanh, UEH

8h30-9h

Tham luận 1:
“Cơ chế chính sách thúc đẩy Trí tuệ nhân tạo trong ngành ngân hàng”

Diễn giả trình bày:
Ông Nguyễn Trung Anh
Vụ Thanh toán – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Điều phối phần trình bày và thảo luận
TS. Hoàng Hải Yến
Trưởng khoa Ngân hàng, trường Kinh doanh, UEH

9h-9h30

Tham luận 2:
“Banking in Digital Era”

Diễn giả trình bày
Ông Đỗ Thái Bình
Giám Đốc TTKD-KHDN Lớn - Hội Sở VIB

Điều phối phần trình bày và thảo luận
PGS.TS. Tô Trung Thành- Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học- Trường Đại học Kinh tế quốc dân- Hà Nội

9h30-10h

Tham luận 3:
“Ngân hàng tích hợp AI – Xu thế của tương lai”

Diễn giả trình bày
Ông Dương Lê Minh Đức
Phó Tổng Giám đốc PTKD - FPT. AI

Điều phối phần trình bày và thảo luận
PGS. TS Lê Long Hậu
Giám đốc Trung tâm Đào tạo, nghiên cứu và tư vấn Kinh tế (CENTREC), Phó trưởng bộ môn Tài chính-Ngân hàng, Đại học Cần Thơ

10h-10h30

Tham luận 4:
“Chatbot trong lĩnh vực Ngân hàng tại Việt Nam”
“Conversational Chatbot Demo”

Diễn giả trình bày
ThS. Lê Nguyễn Quỳnh Hương
TS. Nguyễn Hữu Huân
Khoa Ngân hàng, trường Kinh doanh, UEH

Điều phối phần trình bày và thảo luận
TS. Hoàng Khánh
Đại học Lincoln, New Zealand
Chuyên gia quốc tế, Tạp chí Kinh Tế và Kinh doanh Châu Á (JABES), Chuyên gia Biên tập số đặc biệt, Tạp chí “Research in International Business and Finance”

PHẦN II: DIỄN ĐÀN TRAO ĐỔI GIỮA DIỄN GIẢ KHÁCH MỜI VÀ NHÀ KHOA HỌC

Chủ tọa:

TS. Hoàng Hải Yên

TS. Phan Chung Thủy

PGS.TS. Tô Trung Thành

PGS. TS Lê Long Hậu

- Trường khoa Ngân hàng, trường Kinh doanh, UEH
- Phó trưởng khoa Ngân hàng, trường Kinh doanh, UEH
- Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học- Trường Đại học Kinh tế quốc dân- Hà Nội
- Giám đốc Trung tâm Đào tạo, nghiên cứu và tư vấn Kinh tế (CENTREC), Phó trưởng BM Tài chính-Ngân hàng, Đại học Cần Thơ

10h30-11h30

Nhà khoa học trình bày tóm tắt nghiên cứu, đặt câu hỏi và thảo luận với các Diễn giả khách mời

Diễn giả khách mời trả lời và thảo luận với nhà khoa học

Đại diện chủ đề 1: Big Data, AI trong TC-NH
“Some Stylized Empirical Results on the Effect of Artificial Intelligence in Banking Sector”

- Tác giả trình bày: **ThS. Dương Bích Tuyền**,
Giảng viên Khoa Kinh tế trường Đại học Nam Cần Thơ

Đại diện NHNN

Ông Ngô Văn Đức

Phó phòng giám sát hệ thống thanh toán - Vụ thanh toán, NHNN

Ông Nguyễn Trung Anh

Vụ Thanh toán – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Đại diện chủ đề 2: Ngân hàng và Chuyển đổi số

“Tác động của ICT đến rủi ro tín dụng trong cho vay của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam”

- Tác giả trình bày: **TS. Lê Hoàng Vinh** - Khoa Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế Luật

“Ảnh hưởng của ứng dụng công nghệ số đến năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam”

- Tác giả trình bày: **TS. Nguyễn Văn Thép** - Khoa Kinh tế - Đại học Cần Thơ

Đại diện Chủ đề 3: Thị trường tài chính và công nghệ

“Tài chính phi tập trung và mô hình Dynamic Automated Market Maker – DMM”

- Tác giả trình bày: **ThS. Nguyễn Trung Thông** - Khoa Ngân hàng, UEH

Điều phối viên phần trình bày và thảo luận: TS. Phan Chung Thủy - Phó trưởng khoa Ngân hàng, UEH

Đại diện NH Quốc tế VIB

Ông Đỗ Thái Bình - Giám Đốc TTKD-KHDN Lớn - Hội Sở Ngân hàng VIB

Chị Nguyễn Dương Mai Anh - Giám đốc phòng Quản lý và Kinh doanh sản phẩm Quản lý Dòng tiền, khối KHDN.

Đại diện FPT.AI

Ông Dương Lê Minh Đức - Phó Tổng Giám đốc PTKD - FPT. AI

BẾ MẠC

11h30-11h45

Tổng kết và kết thúc hội thảo

Ban tổ chức

PHÁT BIỂU CỦA HIỆU TRƯỞNG UEH

GS. TS SỬ ĐÌNH THÀNH

Kính thưa quý vị đại biểu, các nhà làm chính sách, quý doanh nghiệp, ngân hàng, quý nhà khoa học có mặt trong buổi hội thảo ngày hôm nay.

Hội thảo Quốc tế **“Tương lai của Ngân hàng trong kỷ nguyên Trí tuệ nhân tạo”**. Mục đích của hội thảo là tạo ra một diễn đàn trao đổi và chia sẻ kết quả nghiên cứu và kinh nghiệm giữa các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, học giả và chuyên gia hàng đầu về ứng dụng AI trong hoạt động ngân hàng. Đây cũng là cơ hội để các nhà nghiên cứu, các đại diện ngân hàng, doanh nghiệp trình bày và thảo luận về những xu hướng công nghệ tài chính mới, những đe dọa và thách thức mà ngân hàng gặp phải trong kỷ nguyên AI.

Thông qua hội thảo lần này, chúng tôi hy vọng sẽ đóng góp thêm các hàm ý chính sách cho việc quản lý và xây dựng hệ sinh thái công nghệ cho nền kinh tế số của Việt Nam theo định hướng của chính phủ đến năm 2030 và tầm nhìn 2050. Bên cạnh đó, cũng sẽ góp phần cung cấp cho các ngân hàng, doanh nghiệp các xu hướng phát triển mới cho việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, học máy vào hoạt động của mình, từ đó giảm thiểu chi phí và gia tăng trải nghiệm của khách hàng. Cũng như là cầu nối giữa các doanh nghiệp cung cấp các công nghệ trí tuệ nhân tạo với các ngân hàng, doanh nghiệp có nhu cầu.

Lời cuối cùng, xin kính chúc hội thảo diễn ra thành công tốt đẹp và đúc kết được nhiều hàm ý chính sách, kết quả trong việc ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, học máy vào việc phát triển doanh nghiệp nói riêng và phát triển kinh tế số đất nước nói chung trong tương lai. Kính chúc Quý ngân hàng, doanh nghiệp ngày càng phát triển, kính chúc toàn thể chúng ta bình an trong đại dịch COVID-19 và đạt được nhiều thành công.

THAM LUẬN 1:

CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH THỨC ĐẨY TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG NGÀNH NGÂN HÀNG

Ông Nguyễn Trung Anh

Vụ Thanh toán – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tóm tắt:

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) với sự giao thoa, hòa quyện của các công nghệ số - vật lý - sinh học có khả năng tác động, phát triển cực lớn, làm thay đổi hoàn toàn cách thức con người sống, làm việc và tác động mạnh mẽ tới chính sách phát triển của từng quốc gia. Trí tuệ nhân tạo là một trong những công nghệ số trọng điểm của cuộc CMCN 4.0 nói chung và của xu hướng chuyển đổi số trong ngành ngân hàng nói riêng. Đi cùng với các công nghệ dữ liệu lớn (big data), học máy (machine learning), phân tích dữ liệu (data analysis). Trí tuệ nhân tạo cho phép các ngân hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ sáng tạo, phù hợp với nhu cầu, tăng cường trải nghiệm khách hàng cũng như tối ưu hóa hoạt động nghiệp vụ nội bộ. Tuy nhiên, tiến bộ nhanh chóng của công nghệ số cũng mang đến một số vấn đề quan trọng đòi hỏi sự nhìn nhận, đánh giá kỹ lưỡng của cơ quan quản lý nhằm xây dựng cơ chế, khuôn khổ pháp lý thúc đẩy chuyển đổi số đồng thời hạn chế, khắc phục được các rủi ro, khó khăn tiềm tàng.

THAM LUẬN 2:

BANKING IN DIGITAL ERA

Ông Đỗ Thái Bình

Giám Đốc TTKD-KHDN Lớn - Hội Sở VIB

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của các ứng dụng công nghệ tài chính, chuyển đổi thành ngân hàng số là hướng phát triển bền vững cho các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Sự phát triển của ngân hàng số, từ những năm 2000 đến năm 2017, bắt đầu với mô hình internet banking, online banking đến ngân hàng di động (mobile banking) nhờ vào internet và điện thoại thông minh để khách hàng có thể tiếp cận dịch vụ ngân hàng mọi lúc mọi nơi. Đến nay, Ngân hàng số (digital banking) hướng đến việc nâng cao tiêu chuẩn của các dịch vụ ngân hàng trực tuyến và ngân hàng di động bằng cách tích hợp các công nghệ số như các công cụ phân tích, tương tác qua mạng xã hội, các giải pháp thanh toán đổi mới, công nghệ di động và tập trung vào trải nghiệm của người sử dụng.

Việc ứng dụng ngân hàng số đã tạo ra được các kết quả đáng ghi nhận và là tiền đề cho sự phát triển đột phá trong tương lai. Thứ nhất, ngân hàng số tạo điều kiện cho khách hàng được tiếp cận dịch vụ phong phú và đa dạng. Nếu internet banking, mobile banking đơn thuần chỉ tập trung vào một số tính năng như chuyển tiền, tra cứu số dư và thanh toán, thì ngân hàng số lại là một bước nhảy vọt vì khách hàng hoàn toàn có thể thực hiện tất cả các giao dịch thông qua internet. Điều này giúp tiết kiệm được thời gian, giao dịch, đồng thời cho phép có thể thực hiện giao dịch mọi lúc, mọi nơi có internet. Hai là, ngân hàng số giúp NHTM giảm thiểu các chi phí, tăng lợi nhuận và hiệu quả hoạt động. Ba là, ngân hàng số giúp các ngân hàng tăng năng lực cạnh tranh. Nhờ có ngân hàng số, NHTM tạo ra được quy trình giao dịch đơn giản với tốc độ nhanh, giảm thiểu thời gian chờ của khách hàng với chất lượng ngày một nâng cao và chi phí dịch vụ ngày càng thấp. Đồng thời, thông qua cơ sở dữ liệu được lưu trữ điện tử, các ngân hàng có thể phân tích, đánh giá khách hàng để từ đó có chiến lược kinh doanh phù hợp hơn.

Bài tham luận khái quát một số nét chính về khái niệm và sự phát triển của ngân hàng số, phân tích thực trạng triển khai ngân hàng số tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm thúc đẩy xu thế này phát triển trong thời gian tới.

THAM LUẬN 3:

NGÂN HÀNG TÍCH HỢP AI – XU THẾ CỦA TƯƠNG LAI

Ông. Dương Lê Minh Đức

Phó Tổng Giám đốc PTKD – FPT.AI

Theo một báo cáo mới đây từ PwC, giới chuyên gia đã nhận định Trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở nên ngày càng phổ biến hơn với vô số những ứng dụng có mặt khắp nơi trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Nếu như cách đây vài năm, khái niệm này còn xa lạ với hầu hết người dân Việt Nam thì giờ đây, bất cứ ai trong chúng ta cũng đều đã hoặc đang tiếp cận với trí tuệ nhân tạo mỗi ngày, từ các trợ lý ảo tích hợp trong smartphone, tới những tổng đài viên “ảo” chăm sóc khách hàng hay ứng dụng nhận diện khuôn mặt, giọng nói... đó đều là các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo.

AI đã, đang và sẽ tiếp tục là một chiến lược quan trọng của thế giới và Việt Nam nói chung, khối doanh nghiệp nói riêng trong hành trình số hóa, đặc biệt là khối doanh nghiệp tài chính, bảo hiểm, ngân hàng – những đơn vị tiên phong áp dụng các ứng dụng thực tiễn của AI để tăng năng lực cạnh tranh tiến tới mô hình ngân hàng số thông minh trong tương lai gần.

Với rất nhiều những ứng dụng của AI trong mọi lĩnh vực, để hiểu một cách sơ lược chúng ta có thể chia thành hai mảng: “AI on the fields” – đó là AI ứng dụng trong công nghiệp, sản xuất, lắp ráp và nông nghiệp thông minh và “AI in Office”, nơi AI hỗ trợ các tác vụ thuộc về quy trình quản trị doanh nghiệp, và đây chính là lĩnh vực mà FPT. AI tập trung vào với hàng loạt những giải pháp cụ thể sẽ giúp doanh nghiệp tối ưu hóa toàn bộ quy trình nội bộ.

Khi tiếp cận, trình bày giải pháp với các doanh nghiệp, chúng tôi luôn nhấn mạnh việc vai trò của con người vẫn là yếu tố quan trọng trong kỷ nguyên AI. Chúng tôi đưa ra mô hình Phối hợp tăng cường giữa con người và máy (Human & Machine Augmentation), có thể nhận thấy những tác vụ mà con người có thể làm tốt hơn máy như: lãnh đạo, thấu hiểu, sáng tạo và ra quyết định. Và mặt còn lại là những tác vụ máy thực hiện tốt hơn con người như: thực thi mô hình, các tác vụ mang tính chất lặp lại với khả năng xử lý với sai số thấp. Với mô hình phối hợp này, doanh nghiệp sẽ giải quyết được những “khúc mắc” ở giữa việc phối hợp trong một quy trình vận hành tổng thể, người và máy sẽ phối hợp xử lý để đạt hiệu quả cao nhất.

Những giải pháp AI quan trọng nhất của FPT hiện tại bao gồm: Nền tảng hội thoại thông minh Chatbot, Trợ lý tổng đài ảo Voicebot, Hệ thống nâng cao chất lượng cuộc gọi tổng đài, Nền tảng trích xuất thông tin từ hình ảnh (OCR), Giải pháp định danh xác thực khách hàng từ xa (eKYC), Hệ cơ sở tri thức.....

Những giải pháp này được vận hành với các công nghệ lõi tiên tiến nhất của trí tuệ, từ công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên tới công nghệ nhận diện, tổng hợp xử lý giọng nói, thị giác máy tính và hệ suy luận..

Đại dịch Covid-19 diễn ra như một cú hích, đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong các doanh nghiệp tài chính-bảo hiểm-ngân hàng nhằm đảm bảo khả năng vận hành và kinh doanh liên tục, đặc biệt trong các nghiệp vụ chăm sóc khách hàng trong bối cảnh giãn cách xã hội với nhiều diễn biến phức tạp. Việc ứng dụng các công nghệ AI như trợ lý ảo giúp cho các kênh giao tiếp với khách hàng đảm bảo được sự liền mạch, cũng như bài toán làm sao có thể tiếp cận và phục vụ với hàng ngàn khách hàng cùng một thời điểm. Công nghệ eKYC giúp cho việc xác thực khách hàng từ xa để đăng ký hoặc thực hiện giao dịch mà không cần đến trực tiếp các địa điểm, nền tảng Reader Flex sẽ làm tăng năng suất trong việc nhập liệu với tính năng hỗ trợ trích xuất thông tin trên hình ảnh của mẫu giấy tờ không phải mẫu cố định. Hệ cơ sở tri thức dành cho chuyên ngành tài chính sẽ là một công nghệ đột phá giúp các trợ lý ảo sẽ thông minh hơn, linh hoạt hơn trong việc trao đổi, đối đáp đa dạng các tình huống với khách hàng trong việc giải đáp thắc mắc nghiệp vụ liên quan.

Với vai trò là tập đoàn công nghệ hàng đầu khu vực, FPT tập trung vào chiến lược Trí tuệ nhân tạo với mục tiêu giúp các doanh nghiệp khối tài chính – bảo hiểm – ngân hàng chuyển đổi, đổi mới và bứt phá trong kinh doanh. Để hiện thực hóa mục tiêu đó, ba hướng đi được tập đoàn FPT đã và đang thực hiện bao gồm :

- Cung cấp nền tảng AI toàn diện, tiên tiến, mạnh mẽ, vượt trội giúp doanh nghiệp có thể làm chủ và ứng dụng AI một cách nhanh và hiệu quả nhất
- Xây dựng bộ giải pháp AI chuyên sâu cho từng ngành: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thương mại, y tế– những lĩnh vực trụ cột của nền kinh tế

- Xây dựng cộng đồng AI để có thể chia sẻ những tri thức cộng đồng và cùng kiến tạo một nền tảng Trí tuệ Nhân tạo mạnh mẽ hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam, nâng tầm cạnh tranh với thế giới.

Chúng tôi tin tưởng vào một tương lai nơi Trí tuệ nhân tạo sẽ trở thành nguồn lực không giới hạn giúp khai phá sức mạnh và tiềm năng của con người, từ đó giúp doanh nghiệp phát triển và bứt phá trong kỷ nguyên số. Hãy đồng hành cùng tập đoàn FPT để không bỏ lỡ chuyến tàu tốc hành mang tên: Trí tuệ nhân tạo.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN HỘI THẢO SOBC

BAN CHỈ ĐẠO HỘI THẢO

GS. TS. Sử Đình Thành	Hiệu trưởng	Trưởng ban
GS. TS. Nguyễn Đông Phong	Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên
PGS. TS. Phan Thị Bích Nguyệt	Chủ tịch Hội đồng Tư vấn	Thành viên
GS. TS. Nguyễn Trọng Hoài	Tổng biên tập Tạp chí JABES, nguyên Phó Hiệu trưởng	Thành viên
TS. Bùi Quang Hùng	Phó Hiệu trưởng	Thành viên

BAN TỔ CHỨC

- Về phía Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

TS. Hoàng Hải Yến	Trưởng khoa Ngân hàng	Trưởng ban
PGS. TS. Nguyễn Phong Nguyên	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng QLKH-HTQT	Thành viên
TS. Phạm Dương Phương Thảo	Phó Trưởng phòng QLKH-HTQT	Thành viên
ThS. Trương Minh Kiệt	Trưởng phòng Marketing – Truyền thông	Thành viên
ThS. Huỳnh Lưu Đức Toàn	Phó Tổng biên tập Tạp chí JABES	Thành viên
TS. Phan Chung Thủy	Phó Trưởng khoa Ngân hàng	Thành viên
ThS. Dương Tấn Khoa	Phó Trưởng khoa Ngân hàng	Thành viên
PGS. TS. Trâm Thị Xuân Hương	Khoa Ngân hàng	Thành viên
PGS. TS. Trương Thị Hồng	Khoa Ngân hàng	Thành viên
PGS. TS. Trương Quang Thông	Khoa Ngân hàng	Thành viên

- Về phía Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

PGS. TS. Bùi Huy Nhượng	Phó Hiệu trưởng	Trưởng ban
PGS. TS. Tô Trung Thành	Trưởng phòng QLKH	Thành viên

- Về phía Trường Đại học Cần Thơ

PGS. TS. Trương Đông Lộc	Phó Trưởng khoa Kinh tế	Trưởng ban
PGS. TS. Lê Long Hậu	Giám đốc Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu và Tư vấn kinh tế (CENTREC)	Thành viên

BAN NỘI DUNG VÀ BIÊN TẬP

- Về phía Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

TS. Phan Chung Thủy	Phó Trưởng khoa Ngân hàng	Trưởng ban
TS. Nguyễn Hữu Huân	Trưởng bộ môn TTTC	Thành viên
TS. Phan Thu Hiền	Phó Trưởng bộ môn TTTC	Thành viên
TS. Nguyễn Từ Nhu	Phó Trưởng phụ trách bộ môn QTNH	Thành viên
TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Trưởng bộ môn KDTT	Thành viên
ThS. Cao Ngọc Thủy	Phó Trưởng bộ môn KDTT	Thành viên
ThS. Nguyễn Trung Thông	Phó Trưởng phụ trách bộ môn NHQT	Thành viên
ThS. Phạm Khánh Duy	Phó Trưởng bộ môn NHQT	Thành viên
PGS. TS. Trâm Thị Xuân Hương	Khoa Ngân hàng	Thành viên
TS. Thân Thị Thu Thủy	Khoa Ngân hàng	Thành viên
TS. Trần Thị Mộng Tuyết	Khoa Ngân hàng	Thành viên
TS. Nguyễn Thị Thùy Linh	Khoa Ngân hàng	Thành viên
TS. Nguyễn Thanh Phong	Khoa Ngân hàng	Thành viên
TS. Phạm Phú Quốc	Khoa Ngân hàng	Thành viên
TS. Ngô Minh Vũ	Khoa Ngân hàng	Thành viên

- Về phía Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

PGS. TS. Tô Trung Thành	Trưởng phòng QLKH	Thành viên
GS. TS. Lê Quốc Hội	Tổng biên tập Tạp chí Kinh tế Phát triển	Thành viên
PGS. TS. Lê Thanh Tâm	Trưởng Bộ Môn Ngân hàng	Thành viên

- Về phía Trường Đại học Cần Thơ

PGS. TS. Vương Quốc Duy	Bộ môn Tài chính – Ngân hàng, Khoa Kinh tế	Trưởng ban
TS. Khru Thị Phương Đông	Bộ môn Tài chính – Ngân hàng, Khoa Kinh tế	Thành viên
TS. Nguyễn Văn Thép	Bộ môn Tài chính – Ngân hàng, Khoa Kinh tế	Thành viên

BAN TRUYỀN THÔNG – SỰ KIỆN

ThS. Dương Tấn Khoa	Phó Trưởng khoa Ngân hàng	Trưởng ban
TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Trưởng bộ môn KDTT	Thành viên
ThS. Cao Ngọc Thủy	Phó Trưởng bộ môn KDTT	Thành viên
ThS. Nguyễn Trung Thông	Phó Trưởng phụ trách bộ môn NHQT	Thành viên
TS. Nguyễn Quốc Anh	Khoa Ngân hàng	Thành viên
TS. Lê Nguyễn Quỳnh Hương	Khoa Ngân hàng	Thành viên
TS. Ngô Minh Vũ	Khoa Ngân hàng	Thành viên
ThS. Phạm Khánh Duy	Khoa Ngân hàng	MC hội thảo
Nguyễn Thị Thảo Vy	Khoa Ngân hàng	Thành viên
Dương Duy	Khoa Ngân hàng	Thành viên

BAN TÀI CHÍNH**ThS. Cao Ngọc Thủy**

Phó Trưởng bộ môn KDTT

Trưởng ban

Nguyễn Thị Thảo Vy

Khoa Ngân hàng

Thành viên

BAN THƯ KÝ**ThS. Lê Văn Lâm**

Khoa Ngân hàng

Trưởng ban

ThS. Lê Nguyễn Quỳnh Hương

Khoa Ngân hàng

Thành viên

TS. Nguyễn Từ Nhu

Khoa Ngân hàng

Thành viên

Dương Duy

Khoa Ngân hàng

Thành viên

CHỦ ĐỀ 1: AI & BIG DATA TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Code 1.

Chatbot trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam.

Lê Nguyễn Quỳnh Hương¹, Nguyễn Hữu Bình²

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: quynh_huong@ueh.edu.vn

² Khoa Kế toán, Trường Kinh doanh, UEH

Tóm tắt:

Chatbot là chương trình kết hợp trí tuệ nhân tạo để tương tác với người dùng bằng xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP - Natural Language Processing). Bài viết nghiên cứu về thực trạng ứng dụng chatbot ở các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Để giúp định vị các ngân hàng của Việt Nam trên bản đồ ứng dụng công nghệ AI, bài viết còn đề cập đến thực trạng ứng dụng chatbot tại các ngân hàng ở Mỹ. Đồng thời bài viết cũng tổng hợp những lợi ích mà chatbot đem lại cho các ngân hàng. Một số đề xuất về việc ứng dụng chatbot trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng được thảo luận trong phần cuối của bài viết này dựa trên cơ sở thực trạng và kết quả tổng hợp các nghiên cứu trước đây.

Từ khoá: *Chatbot, AI, ngân hàng thương mại, Việt Nam.*

Code 2.

Some stylized empirical results on the effect of artificial intelligence in banking sector.

**Hau Long Le¹, Truc Viet Thanh Tran², Tuyen Bich Duong³, Tam Thi Thanh Nguyen⁴,
Nghiem Tan Le⁵**

¹ Corresponding author, Department of Finance and Banking, School of Economics, Can Tho University, Vietnam, email: llhau@ctu.edu.vn

² Department of Finance and Banking, School of Economics, Can Tho University, Vietnam

³ School of Economics, Nam Can Tho University, Vietnam

⁴ Can Tho University, Vietnam

⁵ Department of Business and Administration, School of Economics, Can Tho University, Vietnam

Abstract:

This paper is a survey of recent empirical work on the influence of artificial intelligence in the banking industry. It is organized as a series of stylized results which mirror what is generally understood about the application of artificial intelligence and its impacts on the operation of banks. The review of the literature shows that (a) the application of artificial intelligence has a significantly positive effect on the performance of banks, enhances risk management, (b) big data analytics support the decision making process, (c) banks may face several challenges as they attempt to integrate artificial intelligence in their activities.

Keywords: *Artificial intelligence, bank, survey.*

Code 3.

Vai trò của dữ liệu lớn trong chấm điểm tín dụng trong lĩnh vực ngân hàng.

Phạm Duy Tính¹, Đặng Văn Dân²

¹ Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM

² Tác giả liên lạc, Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM, email: dandv@buh.edu.vn

Tóm tắt:

Phân tích dữ liệu lớn không chỉ giúp ngân hàng rút ngắn được thời gian có được những thông tin cần thiết mà còn đem lại những hiểu biết sâu sắc về khách hàng đến từ các dữ liệu phi cấu trúc bị bỏ qua trước đây. Nó đã tạo nên một cuộc cách mạng lớn trong lĩnh vực ngân hàng khi trở thành nguồn cung cấp thông tin quan trọng để đưa ra các quyết định tín dụng. Chấm điểm tín dụng là một trong những ứng dụng của phân tích dữ liệu trong việc đánh giá mức độ tín nhiệm của khách hàng. Thực tế cho thấy chấm điểm tín dụng đang trải qua quá trình chuyển đổi mạnh mẽ trong việc cải thiện hiệu quả dự đoán của các mô hình chấm điểm tín dụng. Thay vì tập trung vào phát triển các kỹ thuật phân loại phức tạp thì nguồn dữ liệu thay thế đã được quan tâm. Bài viết này tiến hành nghiên cứu hiệu quả của việc sử dụng dữ liệu lớn trong chấm điểm tín dụng và các vấn đề cần quan tâm.

Từ khóa: *Chấm điểm tín dụng, dữ liệu lớn, máy học.*

Code 4.

AI và Big data - Nền tảng cho sự phát triển của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong kỷ nguyên số.

Nguyễn Quốc Anh¹, Tăng Mỹ Sang²

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: quocanh@ueh.edu.vn

² Khoa Tài chính - Thương mại, Trường ĐH Kinh tế - Tài chính TP. HCM

Tóm tắt:

Thông qua việc thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, bài viết đã thực hiện nghiên cứu các giải pháp ứng dụng và phát triển công nghệ dữ liệu lớn (Big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã nhận thấy rằng AI được ứng dụng phổ biến tại Việt Nam nhằm ba mục đích chính là giảm thiểu sai sót của con người, xử lý các quy trình tự động và hỗ trợ cho các dịch vụ cá nhân hóa. Công nghệ Big Data được ứng dụng chủ yếu nhằm hạn chế gian lận, hỗ trợ phân tích tín dụng và hỗ trợ bán chéo sản phẩm. AI và Big data có tác động đến hoạt động của hệ thống ngân hàng và có tác động tích cực nhiều hơn tác động tiêu cực. Tác động đến tính phức tạp của các sản phẩm dịch vụ, chống gian lận và tăng cường hiệu quả hoạt động của máy ATM được đánh giá cao nhất. Bên cạnh đó, còn có các tác động đến việc giám sát hành vi, phân vùng khách hàng, tăng tính chính xác trong thẩm định tín dụng và quản trị rủi ro của NH. Từ kết quả này, bài viết đưa ra các giải pháp cho việc phát triển các công nghệ hiện đại này trong hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Từ khóa: *AI, Big data, ngân hàng thương mại, công nghệ 4.0.*

Code 5.

Chuyển đổi số - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ điện toán đám mây vào hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Phan Khánh Nhi¹, Nguyễn Thị Hồng Nhung², Nguyễn Thị Thanh Thảo³

¹ Trường Kinh doanh, UEH.

² Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: hongnhungnt@ueh.edu.vn

³ Tập đoàn công nghệ Qualcomm, Việt Nam.

Tóm tắt:

Ngày nay, chuyển đổi số được coi như là một vấn đề tất yếu mà các doanh nghiệp đang hướng đến. Chuyển đổi số giúp các doanh nghiệp tăng năng suất lao động, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Theo các chuyên gia nhận định, chuyển đổi số không chỉ là câu chuyện kỹ thuật hay công nghệ, mà là câu chuyện về văn hoá và con người. Đối với ngành ngân hàng, hoạt động trong môi trường cạnh tranh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, chuyển đổi số càng đóng vai trò quan trọng hơn nữa, không chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng mà còn đáp ứng nhu cầu thiết yếu của khách hàng về dịch vụ ngân hàng trong giai đoạn đầy mạnh thanh toán trực tuyến để kiểm soát dịch bệnh.

Nghiên cứu này tập trung vào phân tích nhu cầu, lợi ích, khả năng và những thách thức của các Ngân hàng trong quá trình chuyển đổi số cũng như ứng dụng các công nghệ mới như điện toán đám mây (Cloud) và trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) vào trong hoạt động quản lý thông tin của ngân hàng. Từ đó, nghiên cứu cũng đề xuất cải thiện hành lang pháp lý và đưa ra một số giải pháp cho các ngân hàng thực hiện để nâng cao năng lực chuyển đổi số.

Từ khóa: *Chuyển đổi số, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo.*

Code 6.

Trí tuệ nhân tạo với việc nâng cao trải nghiệm dịch vụ ngân hàng.

Đoàn Thị Thanh Hoà¹, Trần Thị Hồng Cúc²

¹ Tác giả liên lạc, UEH – Phân hiệu Vĩnh Long, email: hoadt@ueh.edu.vn

² UEH – Phân hiệu Vĩnh Long.

Tóm tắt:

Trí tuệ nhân tạo chắc chắn nâng cao trải nghiệm ngân hàng của hàng triệu khách thông qua các ứng dụng đa dạng đang được các ngân hàng trên khắp thế giới áp dụng. Và quan trọng hơn, khách hàng sắp tới và khách hàng tương lai của các ngân hàng là thế hệ Millennials và thế hệ Z. Những thế hệ này phù hợp hơn với các dịch vụ dựa trên công nghệ và đòi hỏi nhiều lựa chọn hơn, tính linh hoạt và khả năng kiểm soát đối với hoạt động ngân hàng. Do đó, các ngân hàng cần phải nhúng AI vào hoạt động của họ để đáp ứng những mong đợi của khách hàng. Bài viết cho thấy các ngân hàng trong và ngoài nước đã và đang từng bước ứng dụng công nghệ AI vào hoạt động với nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao trải nghiệm dịch vụ ngân hàng của khách hàng.

Từ khóa: *Trí tuệ nhân tạo, trải nghiệm khách hàng, dịch vụ ngân hàng.*

Code 7.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực ngân hàng xu thế tất yếu của chuyển đổi số.

Nguyễn Quốc Bình¹, Lê Tuấn Mạnh²

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Tài chính - Ngân hàng, UEH – Phân hiệu Vĩnh Long, email: binhngq@ueh.edu.vn

² Khoa Tài chính - Ngân hàng, UEH – Phân hiệu Vĩnh Long

Tóm tắt:

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm thay đổi và ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội nói chung và lĩnh vực ngân hàng nói riêng. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực ngân hàng những năm qua ở Việt Nam là một bước tiến đáng kể, góp phần làm cho hoạt động của ngân hàng trở nên tiện lợi, hiệu quả và minh bạch hơn. Mặc dù lợi ích là thế nhưng việc áp dụng rộng rãi công nghệ AI trong hoạt động ngân hàng hiện nay vẫn còn vướng phải nhiều khó khăn và thách thức, bởi những hạn chế về nền tảng công nghệ, sự hiểu biết và khả năng tiếp cận công nghệ AI của lực lượng lao động trong lĩnh vực ngân hàng, kèm theo đó là những chi phí tài chính không hề nhỏ cho việc xây dựng một hệ thống ngân hàng số với ứng dụng công nghệ AI. Vì vậy, để có cái nhìn tích cực về tương lai, chúng ta cần phải có sự hiểu biết sâu sắc về cách AI có thể giải quyết các vấn đề trong hoạt động ngân hàng, những thách thức thực tế và các kỹ năng cần thiết mà lực lượng lao động trong lĩnh vực ngân hàng cần có để có thể làm việc cùng với các hệ thống thông minh này. Bài nghiên cứu nhằm mục đích thảo luận một số tác động, ảnh hưởng của công nghệ AI đến ngân hàng, những xu hướng có thể phát triển trong tương lai đối với ngành ngân hàng trong bối cảnh AI ngày càng được ứng dụng rộng rãi và phổ biến như hiện nay.

Từ khóa: *Trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, ngân hàng.*

Code 8.

Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong dịch vụ tài chính.

Ngô Minh Vũ¹, Nguyễn Hữu Huân²

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: vunm@ueh.edu.vn

² Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

Tóm tắt:

Công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) đang ngày càng được ứng dụng rộng rãi trên toàn cầu và thực sự mang đến những thay đổi cốt lõi trong một số ngành công nghiệp. Tuy nhiên, ở Việt Nam, việc ứng dụng công nghệ AI vào các lĩnh vực dịch vụ quản lý tài sản, quản lý rủi ro và tư vấn tài chính hiện tại còn rất hạn chế. Do vậy, bài nghiên cứu mong muốn cung cấp các giải pháp cụ thể về cách thức ứng dụng công nghệ AI trong ngành tài chính bao gồm: giải pháp ứng dụng AI trong việc xây dựng và quản lý danh mục đầu tư, giải pháp ứng dụng AI trong quản lý rủi ro và giải pháp ứng dụng AI trong tư vấn tài chính bằng cố vấn robot. Thông qua bài nghiên cứu, các lợi ích, thách thức và cơ hội trong việc ứng dụng công nghệ AI vào ngành Tài chính - ngân hàng ở Việt Nam cũng được thảo luận.

Từ khóa: *Công nghệ trí tuệ nhân tạo, học máy, quản lý danh mục đầu tư, quản trị rủi ro, tư vấn tài chính.*

Code 9.

Một số mô hình nổi bật ứng dụng AI vào đầu tư chứng khoán trên thế giới hiện nay.

Vũ Thanh Tùng

Đại học Tài chính Marketing, email: vt.tung@ufm.edu.vn

Tóm tắt:

Đi cùng đà phát triển của Cách mạng công nghệ 4.0, trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) đã và đang là trào lưu phát triển mạnh mẽ trên toàn thế giới. Tận dụng sức mạnh khoa học vĩ đại này vào kinh tế, xã hội, các quốc gia tiên tiến hàng đầu thế giới đã gặt hái được nhiều thành tựu khả quan. AI hiện đã được áp dụng vào một số lĩnh vực khá quan trọng của Việt Nam nhưng vẫn chưa trở thành một trào lưu phổ biến, mặc dù tầm quan trọng và lợi ích to lớn của nó đã được cộng đồng nhìn nhận. Bài viết trình bày những khái niệm quan trọng về AI, sự phát triển của AI trên thế giới cũng như ở Việt Nam, những lĩnh vực ứng dụng quan trọng của AI đang được triển khai hiệu quả, từ đó đánh giá và phân tích một số mô hình AI đã áp dụng khá thành công vào đầu tư chứng khoán như: Robot chứng khoán, Robinhood, AIEQ và Finhay.

Từ khóa: *AI, trí tuệ nhân tạo, Robot chứng khoán, Robinhood, AIEQ, Finhay, AI Việt Nam.*

Code 10.

Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng trong ngành ngân hàng.

Nguyễn Thị Diễm¹, Nguyễn Thị Ánh Ngọc², Đoàn Thị Thanh Hòa³

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Tài chính - Ngân hàng, UEH – Phân hiệu Vĩnh Long,
email: diemnt@ueh.edu.vn

² Khoa Tài chính - Ngân hàng, UEH – Phân hiệu Vĩnh Long

³ Khoa Tài chính - Ngân hàng, UEH – Phân hiệu Vĩnh Long

Tóm tắt:

Trí tuệ nhân tạo là một công cụ năng động, có tiềm năng mang lại hiệu quả cho các tổ chức sử dụng nó một cách cân nhắc. Sự nổi lên của trí tuệ nhân tạo đã mang lại sự chuyển đổi đối với dịch vụ tài chính trong bối cảnh mới và đa chiều. Các công nghệ này giúp ngành ngân hàng tự động hóa các quy trình, cải thiện hiệu quả hoạt động, nâng cao trải nghiệm của khách hàng, góp phần tăng doanh thu. Bài viết đề cập đến các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo đối với lĩnh vực ngân hàng cũng như các vấn đề ngân hàng cần cân nhắc khi vận dụng để có lộ trình và bước đi thích hợp trong thời gian tới.

Từ khóa: *AI, công nghệ số, ngân hàng, trí tuệ nhân tạo.*

Code 11.

Machine learning and AI for risk management in Vietnamese Commercial Banks.

Cuong Nguyen¹, Mai Trinh², Lan Nguyen³

¹ Department of Business and Law, the University of the West of England, Bristol, United Kingdom

² Department of finance and banking, Foreign Trade University, Ha Noi City, Vietnam

³ Corresponding author, Faculty of Accounting and Auditing, Van Lang University, Ho Chi Minh City, Vietnam, email: lan.ntn@vlu.edu.vn

Abstract:

Since the COVID-19 pandemic, there has been a highlighted focus on risk management in banks. Meanwhile, with their technological advancements, Artificial Intelligence (AI) and machine learning techniques have become more and more popular in risk management. These advanced technologies are at the core of banks' strategy, and they have many potentials to revolutionize financial services. This paper aims to understand and examine how Artificial Intelligence (AI) and machine learning have been implemented in Vietnamese commercial banks and have changed the way in which these banks manage their risks. The analysis is carried out through a review of the available literature and disclosure from Vietnamese banks to find current practices and significant benefits of Artificial Intelligence (AI) and machine learning applications. In terms of risk perspectives, credit risk, market risk, operational risk, and RegTech have been explored. We conclude that Artificial Intelligence (AI) and machine learning can help mitigate these risks in Vietnamese commercial banks. Many other areas in risk management can be improved and should be further investigated in the future. However, we noted some specific problems around staff-related barriers, data privacy and protection requirements, and transparency/explainability within banks.

Keywords: *Machine learning, artificial intelligence, risk management, commercial banks.*

CHỦ ĐỀ 2: NGÂN HÀNG VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Code 12.

Ảnh hưởng của ứng dụng công nghệ số đến năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Nguyễn Văn Thép

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ, email: nvthep@ctu.edu.vn

Tóm tắt:

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là phân tích ảnh hưởng của ứng dụng công nghệ số đến năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam, trong đó năng lực cạnh tranh của các ngân hàng được đo lường thông qua chỉ số Lerner. Kết quả hồi quy của mô hình hiệu ứng cố định thực hiện với bộ dữ liệu được thu thập từ 31 NHTM Việt Nam giai đoạn 2009 – 2020 cho thấy việc ứng dụng công nghệ số không có ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các NHTM Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu. Kết quả cũng cho thấy năng lực cạnh tranh của các ngân hàng bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các yếu tố như vốn, chất lượng tài sản, năng lực quản trị, lợi nhuận, thanh khoản, độ nhạy cảm với rủi ro thị trường và quy mô ngân hàng. Ngân hàng có tỷ lệ an toàn vốn cao, chất lượng tài sản cao (tỷ lệ nợ xấu thấp), năng lực quản trị tốt (tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập hoạt động thấp), tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản cao, thanh khoản tốt, tỷ lệ chênh lệch tài sản và nguồn vốn nhạy cảm lãi suất với vốn chủ sở hữu cao và quy mô ngân hàng lớn sẽ có năng lực cạnh tranh cao hơn so với các đối thủ khác.

Từ khóa: *Công nghệ số, năng lực cạnh tranh, ngân hàng thương mại, Việt Nam.*

Code 13.

Tác động của ICT đến rủi ro tín dụng trong cho vay của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

Nguyễn Hoàng Minh¹, Lê Hoàng Vinh²

¹ Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. HCM

² Tác giả liên lạc, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. HCM, email: vinhlh@uel.edu.vn

Tóm tắt:

Bài viết này nhằm mục đích đánh giá tác động của ICT đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, mẫu nghiên cứu bao gồm 24 ngân hàng trong giai đoạn từ 2015 – 2020 theo phương pháp chọn mẫu có mục đích. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ICT có tác động cùng chiều đến rủi ro tín dụng. Tuy nhiên, các ngân hàng thuộc nhóm Big4 có thể điều tiết tác động của ICT đến rủi ro tín dụng. Theo đó, kết quả nghiên cứu khuyến nghị chính sách thúc đẩy các ngân hàng phát triển và ứng dụng ICT nhằm kiểm soát hiệu quả rủi ro tín dụng trong cho vay.

Từ khóa: *Rủi ro tín dụng, ICT, Ngân hàng thương mại.*

Code 14.

Dịch vụ ngân hàng điện tử và hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam.

Đinh Thị Thu Hồng¹, Nguyễn Hữu Tuấn², Trần Thị Hải Lý³

¹ Tác giả liên lạc, Khoa tài chính, Trường Kinh doanh, UEH, email: hongtcdn@ueh.edu.vn

² Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

³ Khoa tài chính, Trường Kinh doanh, UEH

Tóm tắt:

Nghiên cứu này phân tích ảnh hưởng của tăng trưởng dịch vụ ngân hàng điện tử đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Dữ liệu về số lượng máy thanh toán ATM và máy POS/EFTPOS/EDC, số lượng thẻ thanh toán, số dư tài khoản thẻ thanh toán và giá trị thanh toán qua thẻ được sử dụng để đo lường chỉ tiêu dịch vụ ngân hàng điện tử. Chúng tôi sử dụng dữ liệu thống kê hiệu quả kinh doanh của nhóm 10 NHTM cổ phần nội địa ở Việt Nam giai đoạn quý 1/2013 - quý 1/2021 để phân tích thực nghiệm. Bằng kỹ thuật ước lượng ARDL (autoregressive distributive lag) hiệu ứng cố định với dữ liệu bảng cân xứng, chúng tôi tìm thấy dịch vụ ngân hàng điện tử có mối quan hệ ngược chiều với hiệu quả hoạt động của NHTM. Phát hiện này khá ngạc nhiên và dường như ngược lại với kỳ vọng thông thường.

Từ khóa: *Internet banking, online banking, ngân hàng điện tử.*

Code 15.

The bank adaptation strategy with the rise of Fintech.

Pham Phat Tien¹, Le Long Hau², Le Tan Nghiem³

¹ Corresponding author, School of Economics, Can Tho University, email:

pptien@ctu.edu.vn

² School of Economics, Can Tho University

³ School of Economics, Can Tho University

Abstract:

The study aims to propose the adaptation strategy for the commercial bank in the rise of fintech. We discuss that the fintech companies are providing the retail banking product and penetrating other pies of a commercial bank. Based on the strengths and weaknesses of the fintech company and bank, we proposed that making the ally is the suitable strategy of the commercial bank to adapt to the rise of fintech. The fintech company will be an agent of the commercial bank, and merger and acquisition activities are appreciated to employ the adaptation strategy.

Keywords: *Bank adaptation strategy, fintech.*

Code 16.

Động cơ hợp tác giữa ngân hàng và fintech: quan điểm từ chuyên viên ngân hàng tại Việt Nam.

Lê Thị Bảo Châu¹, Phan Chung Thủy², Phan Thu Hiền³

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Ngân Hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: chaule956.k44@st.ueh.edu.vn

² Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

³ Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

Tóm tắt:

Trong thời đại số hóa như ngày nay, để có thể theo kịp với sự năng động của thị trường, với sự phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng của công nghệ cũng như để đáp ứng kịp thời với sự đa dạng về nhu cầu của khách hàng, các ngân hàng tại Việt Nam cần phải nhanh chóng tham gia vào quá trình đổi mới công nghệ, vì thế các ngân hàng đang ngày càng có xu hướng cùng hợp tác với các công ty Fintech nhiều hơn. Cho đến nay, vì có rất ít nghiên cứu thực nghiệm về động cơ giải thích cho mối quan hệ hợp tác giữa ngân hàng và công ty Fintech, đặc biệt là tại thị trường Việt Nam, nên bài nghiên cứu được ra đời với mục tiêu làm sáng tỏ những động lực hợp tác cụ thể xét từ phía các ngân hàng và xét từ phía các công ty Fintech để dẫn đến các liên minh Ngân hàng – Fintech như hiện nay tại nước ta. Bài nghiên cứu được thực hiện theo quy trình nghiên cứu định tính gồm các cuộc phỏng vấn chuyên sâu với các câu hỏi mở, cùng một nhóm các đối tác được mời phỏng vấn là những chuyên viên ngân hàng và những thực tập sinh chuyên ngành ngân hàng tại Việt Nam vào năm 2021. Kết quả của bài nghiên cứu cho thấy các ngân hàng tại Việt Nam đặc biệt quan tâm đến những giải pháp đổi mới công nghệ sáng tạo có được từ sự hợp tác với các công ty Fintech, từ đó làm cơ sở dẫn đến những động cơ hợp tác chính thức đẩy các ngân hàng như để thu hút thêm nhiều khách hàng mới, nâng cao lợi thế cạnh tranh của họ trên thị trường và thúc đẩy nhanh hơn đối với quá trình đổi mới của ngân hàng; còn về các công ty Fintech lại đặc biệt quan tâm đến những nguồn lực như tài chính, kiến thức và sự tín nhiệm có thể nhận được từ các ngân hàng đối tác cùng với động cơ muốn nâng cao sự tín nhiệm và lòng tin của các đối tác và khách hàng để tạo ra nhiều cơ hội phát

triển hơn cho họ trong tương lai. Dựa trên những kết quả của bài nghiên cứu này sẽ đóng góp một số ý nghĩa thiết thực và mở ra cơ hội cho các nghiên cứu trong tương lai.

Từ khóa: *Ngân hàng, Fintech, hợp tác giữa Ngân hàng và công ty Fintech, động cơ hợp tác.*

Code 17.

Nhu cầu sử dụng ngân hàng số của khách hàng từ tác động của đại dịch Covid - 19.

Tăng Mỹ Sang¹, Nguyễn Quốc Anh²

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Tài chính – Thương Mại, trường đại học Kinh Tế - Tài Chính TP.HCM, sangtm@uef.edu.vn

² Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

Tóm tắt:

Đại dịch Covid-19 xảy ra đã ảnh hưởng đến mọi hoạt động của cuộc sống con người. Đối với hoạt động của doanh nghiệp, cách thức cung ứng sản phẩm cho khách hàng theo đó phải thay đổi để thích nghi, trong đó hoạt động của ngành ngân hàng cũng không nằm ngoài quỹ đạo này. Bài nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá các yếu tố tác động đến nhu cầu sử dụng ngân hàng số của người dân Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn dịch Covid-19 xảy ra. Kết quả nghiên cứu cho thấy có ba yếu tố tác động đến nhu cầu sử dụng ngân hàng số của khách hàng bao gồm sự quan tâm, thái độ, các yếu tố thúc đẩy bên ngoài. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đã đề xuất những hàm ý cho các giải pháp nhằm giúp ngân hàng đạt được hiệu quả cao trong quá trình chuyển đổi số.

Từ khóa: *Covid-19, CMCN 4.0, hoạt động ngân hàng số.*

Code 18.

Impact of information and communication technology on revenue diversification of commercial banks - Suggestions for developing fintech - banking trend in Vietnam.

Nguyen Tu Nhu

School of Banking - UEH, email: nhunt@ueh.edu.vn

Abstract:

Information and Communication Technology (ICT) plays an important role in the banking business strategies. The recent fundamental focus has been on fintech that is entering the financial services industry in general and banking system in particular. The study aims to determine the influence of the development and application of ICT (shown by the Vietnam ICT Index) on the revenue diversification of banking business at Vietnamese commercial banks over the period of 14 years, beginning from 2006 to 2019. Research results show that the Vietnam ICT Index is positively correlated with the revenue diversification, which implies that Vietnamese commercial banks have grasped the development of technology not only to serve their expansion of business activities but also to provide more and more banking products and services. In addition, the study also finds these factors affecting revenue diversification of banks such as: bank size, asset growth rate, credit balance.

Keywords: *ICT Index, revenue diversification, commercial banks, Vietnam.*

Code 19.

Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ngân hàng điện tử của khách hàng cá nhân trong giai đoạn covid-19 tại Việt Nam.

Lê Thị Thùy Linh¹, Nguyễn Thị Hồng Nhung²

¹ Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

² Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: hongnhungnt@ueh.edu.vn

Tóm tắt:

Dưới tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 và dịch bệnh Covid-19, thói quen tiêu dùng và cách vận hành ngân hàng cũng thay đổi nhanh chóng, dịch vụ ngân hàng điện tử đã và đang cần được cập nhật kịp thời, cải thiện và phát triển để có thể cạnh tranh và tồn tại. Với mục tiêu xác định các yếu tố ảnh hưởng ý định sử dụng ngân hàng điện tử của khách hàng cá nhân trong giai đoạn Covid-19 tại Việt Nam, nhóm tác giả đã đề xuất mô hình dựa trên mô hình nền tảng chấp nhận công nghệ TAM, nhưng đề xuất thêm hai yếu tố mở rộng vào mô hình, bao gồm: “nhận thức bảo mật”, “ảnh hưởng xã hội” và tiến hành nghiên cứu định lượng thông qua khảo sát khách hàng về ý định sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử trong giai đoạn Covid-19 tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy cả bốn yếu tố “ảnh hưởng xã hội”, “nhận thức hữu ích”, “nhận thức bảo mật” và “nhận thức dễ sử dụng” đều có tác kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp để cải thiện và phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử nhằm đáp ứng đúng nhu cầu khách hàng, gia tăng khả năng kết nối và duy trì mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng.

Từ khoá: *Ý định sử dụng, ngân hàng điện tử, khách hàng cá nhân, Covid-19.*

Code 20.

Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng internet banking của khách hàng cá nhân.

Võ Nguyễn Minh Duyên¹, Lê Phan Thị Diệu Thảo²

¹Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: duyenvnm99@gmail.com

²Đại học Ngân hàng TP.HCM

Tóm tắt:

Bài viết nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng Internet Banking (IB) của khách hàng cá nhân tại Tp. Hồ Chí Minh. Dựa vào mô hình UTAUT2, nghiên cứu xác định 5 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng IB của khách hàng cá nhân là Hiệu quả kỳ vọng, Niềm tin cảm nhận, Điều kiện nỗ lực, Chi phí sử dụng, Thói quen ảnh hưởng đến quyết định sử dụng IB của khách hàng cá nhân. Phương pháp phân tích các nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy được sử dụng để phân tích kết quả khảo sát 400 khách hàng cá nhân đang sử dụng IB tại Tp. Hồ Chí Minh.

Từ khóa: *Yếu tố ảnh hưởng, quyết định sử dụng, Internet Banking.*

Code 21.

EKYC – định danh khách hàng điện tử - hướng đi tất yếu của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Hạ Thị Hải Ly

Học viện Ngân hàng – Phân viện Bắc Ninh, email: lyhth.bn@hvn.edu.vn

Tóm tắt:

Sự phát triển bùng nổ của các Công ty Fintech đã mở ra hướng phát triển mới trong hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Để nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của mình, nhiều Ngân hàng thương mại đã bắt tay với các Công ty Fintech để ứng dụng công nghệ AI (trí tuệ nhân tạo) cải tiến dịch vụ sản phẩm và nâng cao trải nghiệm của khách hàng. EKYC (Electronic Know Your Customer) - định danh khách hàng điện tử được coi là hướng đi tất yếu của các Ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số.

Từ khóa: *EKYC, Fintech, ngân hàng thương mại.*

Code 22.

Ngân hàng số và phát triển ngân hàng số tại Việt Nam.

Trần Văn Nghĩa¹, Hoàng Hải Yến², Cao Ngọc Thủy³

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: nnghiatran2000@gmail.com

² Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

³ Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

Tóm tắt:

Cùng với việc phát triển Internet Banking và Mobile Banking, ngân hàng số (Digital Banking) cũng đang nhận được rất nhiều sự quan tâm của các ngân hàng cũng như là khách hàng hiện nay. Với việc ứng dụng công nghệ số, nó đang dần thay đổi cơ bản các hình thức cung ứng các dịch vụ tài chính – ngân hàng, bài nghiên cứu này sẽ cung cấp cái nhìn tổng quan về vấn đề phát triển ngân hàng số tại Việt Nam.

Từ khóa: *Internet banking, mobile banking, ngân hàng số, Việt Nam.*

Code 23.

Phát triển nguồn nhân lực ngành ngân hàng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

Lê Hoàng Yến Khanh

Trường Kinh doanh, UEH, email: khanhlhy@ueh.edu.vn

Tóm tắt:

Việt Nam đang bước vào giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện. Trong bối cảnh đó, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò thiết yếu tới tăng trưởng kinh tế bền vững. Ngân hàng được coi là mạch máu của nền kinh tế quốc dân, vì vậy nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống ngân hàng là vấn đề luôn được xã hội đặc biệt quan tâm. Thời gian qua, trước sự đổi mới toàn diện của đất nước, ngành ngân hàng đã có bước phát triển mạnh mẽ về công nghệ, trình độ quản lý, năng lực tài chính và nguồn nhân lực, qua đó từng bước đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Song khách quan mà nói, trong khi nguồn nhân lực được đào tạo từ các trường đại học là rất lớn nhưng đang thiếu đi nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong một số lĩnh vực như quản lý, quản trị rủi ro, đầu tư quốc tế, hoạch định chiến lược...Do đó, tìm ra một giải pháp căn cơ, lâu dài nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu cho ngành ngân hàng nhất là thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0. (CMCN 4.0) vẫn là bài toán nan giải đối với hệ thống ngân hàng ở Việt Nam.

Từ khóa: *Nhân lực ngành ngân hàng, cách mạng công nghiệp 4.0.*

Code 24.

Triển vọng ứng dụng công nghệ chuyển đổi số trong quản trị rủi ro ngân hàng.

Nguyễn Từ Nhu¹, Phạm Phú Quốc², Trương Thị Hồng³

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: nhunt@ueh.edu.vn

² Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

³ Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

Tóm tắt:

Nền kinh tế toàn cầu đang trải qua cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0), cuộc cách mạng dựa trên nền tảng tạo ra môi liên kết bởi Internet, big data, trí tuệ nhân tạo (AI),... và tác động đến hầu hết tất cả các lĩnh vực đời sống, kinh tế, chính trị, xã hội. Tài chính – ngân hàng là một trong những ngành chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất. Công nghệ đã tạo ra sự thay đổi và mang đến trải nghiệm hoàn toàn mới cho khách hàng cũng như ngân hàng về tất cả các sản phẩm, dịch vụ tài chính bao gồm lợi thế về tốc độ, hiệu quả, tính đơn giản trong các giao dịch và hoạt động đầu tư. Bài viết tập trung giới thiệu về công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng, phân tích khả năng ứng dụng công nghệ trong hoạt động chuyển đổi số và đưa ra các triển vọng giúp cho các nhà quản lý ngân hàng, các nhà hoạch định chính sách có cơ sở thực tiễn đáng tin cậy bổ sung, hoàn thiện các chiến lược giúp định hình và phát triển ngân hàng số thuận lợi, phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa.

Từ khóa: *Công nghệ tài chính, chuyển đổi số, ngân hàng, rủi ro.*

Code 25.

Ngân hàng không chi nhánh (Branchless banking) và khả năng áp dụng ở Việt Nam.

Nguyễn Ái Vy¹, Lý Kim Khánh², Tống Kiều Anh Thy³, Nguyễn Thị Tuyết Nhi⁴, Nguyễn Thị Thảo Trang⁵, Hoàng Hải Yến⁶, Cao Ngọc Thủy⁷

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: yaivy.0519@gmail.com

² Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

³ Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

⁴ Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

⁵ Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

^{6,7} Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

Tóm tắt:

Ngành ngân hàng, trong công cuộc cách mạng công nghệ 4.0, đã cung cấp cho các khách hàng nhiều tiện ích, bên ngoài các dịch vụ tài chính thông thường, như các gói thanh toán tiết kiệm hỗ trợ online, các cổng thông tin trao đổi và cung cấp dịch vụ trực tuyến 24/7 và cả những ứng dụng tương thích với các dòng điện thoại thông minh. Nhưng sẽ là thiếu sót khi chưa tận dụng được triệt để các tiện lợi của thời đại công nghệ số này. Ngân hàng không chi nhánh là loại hình ngân hàng không sử dụng mạng lưới chi nhánh để cung cấp dịch vụ mà sử dụng các giao dịch ngân hàng trực tuyến và các giao dịch qua điện thoại hoặc liên kết với các đại lý để tiếp cận khách hàng (Wikipedia). Khách hàng có thể sử dụng các máy ATM và trao đổi, truy cập bằng email, điện thoại di động để làm gì? Nhờ vậy, ngân hàng có thể cắt giảm các khoản chi phí do không phải vận hành mạng lưới chi nhánh của ngân hàng. Ngân hàng không chi nhánh không những tận dụng được những ưu thế của thời đại 4.0, mà đồng thời cũng đáp ứng được một lượng nhu cầu của người tiêu dùng những đợt giãn cách trong cơn đại dịch COVID-19. Để hiểu thêm về ngân hàng không chi nhánh, bài viết tập trung nghiên cứu về một số đặc điểm, điều kiện cũng như khả năng áp dụng của ngân hàng không chi nhánh vào thị trường Việt Nam.

Từ khóa: *Ngân hàng không chi nhánh, khả năng áp dụng, Việt Nam.*

Code 26.

Triển vọng phát triển ngân hàng số tại Việt Nam.

Phạm Khánh Duy¹, Phan Kim Nhật Lệ²

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: duy.pham@ueh.edu.vn.

² Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH.

Tóm tắt:

Ngân hàng số là một thuật ngữ vẫn còn mới ở Việt Nam, tuy nhiên dịch bệnh Covid19 đã làm một bước đệm lớn để ngành ngân hàng số nhảy vọt. Thành công của các ngân hàng số hiện nay phải kể đến sự phát triển của công nghệ trong việc thực hiện các giao dịch trực tuyến và việc tiếp thu những kinh nghiệm hiệu quả của các ngân hàng số thành công trên thế giới. Mặc dù vậy, các ngân hàng số cũng gặp phải những điểm yếu về bảo mật, nhân sự và cơ chế quản lý của nhà nước cùng với những thách thức về chi phí. Mô hình SWOT sẽ làm rõ những ưu điểm và khuyết điểm các ngân hàng số, từ đó đưa ra một số kiến nghị giải pháp dành cho các ngân hàng cũng như dành cho cơ quan quản lý trực tiếp các ngân hàng ở Việt Nam.

Từ khóa: *Ngân hàng số, công nghệ ngân hàng, chuyển đổi số, SWOT, Việt Nam.*

CHỦ ĐỀ 3: THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VÀ CÔNG NGHỆ

Code 27.

Tài chính phi tập trung DEFI (Decentralized Finance): Xu thế tài chính mở và những thách thức.

Hoàng Hải Yến¹, Vũ Bích Ngọc²

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: yenh@ueh.edu.vn.

² Khoa Đào tạo Đặc biệt, Trường Đại học Mở TPHCM.

Tóm tắt:

Được phát triển dựa trên mạng blockchain, các ứng dụng tài chính phi tập trung DeFi (Decentralized Finance) sử dụng mã nguồn mở của các hợp đồng thông minh (smart contract) cho phép tất cả mọi người có thể tự do sử dụng, quản lý và luân chuyển tài sản, giảm thiểu sự tham gia của các trung gian tài chính. Tính chất phi tập trung đem lại những ưu thế nổi trội cho DeFi so với tài chính truyền thống nhưng đồng thời cũng tiềm ẩn những rủi ro nhất định. Bài viết này trình bày những nội dung cơ bản liên quan đến tài chính phi tập trung DeFi, một xu thế tài chính mở đang phát triển ngày càng mạnh mẽ trong những năm gần đây đồng thời phân tích những ưu điểm và hạn chế, rủi ro của DeFi. Nếu phát triển và mở rộng thành công, DeFi có thể góp phần giúp tạo ra một hệ thống tài chính hoạt động hiệu quả và thúc đẩy tài chính toàn diện.

Từ khoá: *Tài chính phi tập trung DeFi, những thách thức, xu thế tài chính mở.*

Code 28.

Tài chính phi tập trung và mô hình Dynamic Automated Market Maker – DMM.

Nguyễn Trung Thông

Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: thongnt@ueh.edu.vn

Tóm tắt

Tài chính phi tập trung (DeFi) đã hình thành trong những năm gần đây và dần thể hiện tính ưu việt so với thị trường tài chính truyền thống. Nhờ có ứng dụng của hợp đồng thông minh (Smart contracts) và trí thông minh nhân tạo (AI) trong việc tạo lập thị trường, tài chính phi tập trung đã trở nên mạnh mẽ và có nhiều bước tiến vượt bậc hơn. Đầu năm 2021, mô hình Tạo lập thị trường tự động (Automated Market Maker – AMM) cung cấp thanh khoản (liquidity) cho thị trường trở nên mạnh mẽ và được nhiều nhà tạo lập thị trường hưởng ứng. Bài viết này cập nhật mô hình AMM trong DeFi và mô hình nâng cấp hơn là Dynamic Automated Market Maker (DMM) trong việc tối ưu hiệu quả sử dụng vốn và lợi nhuận tạm tính cho người tạo lập thị trường.

Từ khóa: *Cryptocurrency, AMM, DMM*

Code 29.

Hoạt động cho vay ngang hàng (peer-to-peer lending) cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa – bài học kinh nghiệm của Trung Quốc và cơ hội phát triển cho Việt Nam.

Trần Phương Thảo¹, Phan Chung Thủy¹, Lê Văn Lâm³

¹ Viện đào tạo quốc tế ISB, UEH

² Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

³ Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: levanlamtcnh@ueh.edu.vn

Tóm tắt:

Hoạt động cho vay ngang hàng (Peer-to-peer lending) là phương pháp tài trợ mà một bên sẽ cho vay dựa trên nhu cầu vốn của bên đi vay thông qua một nền tảng công nghệ trực tuyến. Hoạt động này đã phát triển khá mạnh mẽ tại Trung Quốc, thu hút sự tham gia không chỉ đối với các cá nhân mà còn đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt trong giai đoạn hậu khủng hoảng của thị trường tín dụng toàn cầu. Tuy nhiên, thị trường này đã có sự sụt giảm nghiêm trọng sau khi các quy định pháp lý điều chỉnh hoạt động này được chính phủ Trung Quốc ban hành vào cuối năm 2015. Bài viết này sẽ tìm hiểu hoạt động cho vay ngang hàng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở thị trường Trung Quốc, phân tích các ràng buộc pháp lý và qua đó đưa ra các nhận định về cơ hội phát triển loại hình cho vay mới tại Việt Nam.

Từ khóa: Cho vay ngang hàng trực tuyến, doanh nghiệp nhỏ và vừa, bài học kinh nghiệm, cơ hội phát triển.

Code 30.

Ứng dụng Reinforcement Learning trong việc phân bổ tỷ trọng trong danh mục đầu tư chứng khoán- trường hợp thị trường chứng khoán Việt Nam.

Nguyễn Hữu Huân¹, Nguyễn Văn Phúc², Ngô Minh Vũ³

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: huannnguyen@ueh.edu.vn

² Đại học Massey (New Zealand) và Global Labor Organization (GLO, Germany)

³ Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

Tóm tắt:

Bài nghiên cứu ứng dụng phương pháp Reinforcement learning vào việc thiết lập một danh mục đầu tư tối ưu dựa trên lý thuyết Markowitz. Kết quả cho thấy là danh mục đầu tư được tạo ra từ phương pháp Reinforcement learning có tỷ suất sinh lợi cao hơn và mức độ rủi ro thấp hơn so với một danh mục chứng khoán có tỷ trọng cân bằng. Qua đó cho thấy việc ứng dụng các thuật toán trí tuệ nhân tạo có thể là một hướng đi mới trong việc phân tích và đầu tư chứng khoán, giúp các nhà đầu tư cá nhân lẫn tổ chức tìm kiếm lợi nhuận tốt hơn so với các phương pháp đầu tư truyền thống.

Từ khoá: *Reinforcement learning, danh mục đầu tư.*

Code 31.

Mối quan hệ nhân quả giữa tài sản cơ sở và hợp đồng tương lai Bitcoin: So sánh với dầu thô và cổ phiếu.

Nguyễn Ngọc Tú¹, Dương Duy², Lương Thị Thu Hiền³

¹ Ngân hàng VietinBank, CN Tây Tiền Giang, Email: ngoctuowl@gmail.com

² Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, Email: duyd@ueh.edu.vn

³ UEH

Tóm tắt:

Bài nghiên cứu này cho thấy mối quan hệ nhân quả giữa tài sản cơ sở (Cổ phiếu, dầu thô và Bitcoin) và hợp đồng phái sinh (Hợp đồng phái sinh) tại Hoa Kỳ. Trong đó, sử dụng dữ liệu trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 12 năm 2020 nhằm kiểm định mô hình nhân quả Granger và mô hình phân phối Entropy. Kết quả nghiên cứu cho thấy đối với cổ phiếu và dầu thô có mối quan hệ nhân quả một chiều trong khi Bitcoin là hai đối với mô hình nhân quả Granger. Mặc khác, với với mô hình chuyển giao Entropy với các kiểm định nghiêm ngặt hơn cho kết quả cho thấy không có mối quan hệ nhân quả khi kiểm định đối với dầu thô, trong khi Bitcoin chỉ có mối quan hệ nhân quả một chiều. Từ đó, nghiên cứu cho thấy Bitcoin có thể được xem đồng thời có các yếu tố tương tự như một loại hàng hóa cũng như một loại tài sản tài chính thông quan mối quan hệ nhân quả, vì vậy các nhà làm chính sách nên cẩn thận khi đưa các hướng dẫn phù hợp đối với Bitcoin khi chấp nhận sử dụng Bitcoin như một đồng tiền tệ.

Từ khoá: *Hợp đồng tương lai, Bitcoin, cổ phiếu, dầu thô, Hoa Kỳ.*

Code 32.

Thanh toán không dùng tiền mặt trên nền tảng điện thoại di động. Kinh nghiệm từ Trung Quốc và hàm ý chính sách trong điều kiện thực tế của Việt Nam.

Vương Thị Hương Giang¹, Nguyễn Hữu Mạnh²

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Tài chính, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, email: giangvth@buh.edu.vn

² Khoa Kế toán – Tài chính, Trường Đại học Nha Trang.

Tóm tắt:

Trung Quốc là nền kinh tế lớn thứ hai và đang trên đường trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới. Trước khi cải cách và mở cửa, Trung Quốc là một quốc gia có thu nhập thấp với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước tính chỉ đạt 174,9 tỷ USD vào năm 1977. Sau hơn 40 năm cải cách mở cửa, theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế, tính đến năm 2020, nền kinh tế Trung Quốc tính theo sức mua tương đương đạt 24,1 nghìn tỷ USD, đứng đầu thế giới. Trung Quốc cũng là thị trường tiêu thụ lớn thứ hai trên thế giới sau Mỹ. Trong những năm gần đây, thị trường thương mại điện tử của Trung Quốc phát triển nhanh chóng như Alibaba, Tencent, Taobao. Cùng với đó, thanh toán không dùng tiền mặt trên nền tảng di động cũng bùng nổ dữ dội theo các sàn giao dịch thương mại điện tử. Trong bài viết này, nhóm tác giả trình bày sự hình thành và phát triển của thương mại điện tử và nền tảng thanh toán di động tại thị trường Trung Quốc. Hơn nữa, bài báo cũng phân tích những thách thức mà thanh toán di động gây ra cho các ngân hàng thương mại. Cuối cùng, dựa trên bài học từ Trung Quốc, nhóm tác giả đề xuất các chính sách liên quan đến thanh toán không dùng tiền mặt trên nền tảng di động tại Việt Nam.

Từ khóa: *Thương mại điện tử, thanh toán di động, ngân hàng thương mại, Trung Quốc, Việt Nam.*

Code 33.

Đồng tiền kỹ thuật số của Ngân hàng Trung Ương – CBDC và vai trò của hệ thống ngân hàng.

Nguyễn Trí Minh¹, Đinh Thị Thu Hồng²

¹Tác giả liên lạc, Khoa Tài chính, Trường Kinh doanh, UEH, email: minhntri@ueh.edu.vn

²Khoa tài chính, Trường Kinh doanh, UEH

Tóm tắt:

Sự phát triển không ngừng về công nghệ trong hơn một thập niên qua đã xuất hiện nhiều loại tiền mã hoá. Các đồng tiền mới này bất chấp sự cho phép của hệ thống pháp lý ở các nước đã và đang tồn tại như một xu hướng tất yếu trong thời đại nền kinh tế số. Điều này tạo ra thách thức cực đại cho hệ thống ngân hàng truyền thống, từ các ngân hàng thương mại đến ngân hàng trung ương các nước. Do đó, ý tưởng về một đồng tiền kỹ thuật số do NHTW phát hành (CBDC) là bước đi tất yếu ở hầu hết các quốc gia. Sự ra đời của CBDC đem lại nhiều lợi ích cho người dân, bên cạnh đó cũng góp phần làm thay đổi hoàn toàn vai trò của NHTW lẫn ngân hàng thương mại (NHTM), cùng mối quan hệ giữa hai loại định chế này. Vậy CBDC là gì? Chúng có những đặc điểm như thế nào? Sự ra đời CBDC sẽ có tác động gì đến vai trò của các NHTM cũng như vị thế NHTW trong mối quan hệ với NHTM và quyết định chính sách tiền tệ? Bài viết này sẽ lần lượt trả lời các câu hỏi trên. Trong bối cảnh công nghệ liên tục đổi mới và đầy tiềm năng, việc tiếp cận CBDC một cách thụ động rõ ràng không phải là nước đi khôn ngoan của NHTW. Trường hợp NHTW không tạo ra một dạng tiền điện tử nào sẽ có thể đi kèm với một số vấn đề rủi ro, như mất kiểm soát tiền tệ và nguy cơ suy thoái kinh tế nghiêm trọng hơn. Vì thế, nhiều NHTW đang nghiên cứu, thử nghiệm và đẩy nhanh quá trình hợp thức hoá CBDC và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ.

Từ khoá: *CBDC, ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại, chính sách tiền tệ.*

Code 34.

A compilation of some successful and unsuccessful fintech models – a lesson for start-ups in Vietnam.

Hạ Thị Hải Ly

Học viện Ngân hàng – Phân viện Bắc Ninh, email: lyhth.bn@hvn.edu.vn

Abstract:

Start-ups in the fintech industry are opening up numerous opportunities for young people to pursue their passion. Lessons learnt from observing and analyzing some successful and unsuccessful fintech models around the world do not only help startups in Vietnam to develop their own direction but also utilize and take advantage of the potentials of niche markets. Moreover, there will be many other opportunities for start-ups in Vietnam to grow as foreign investors have a positive view of the Vietnamese market.

Key words: *Startup, fintech model, entrepreneurship.*

Code 35.

Ứng dụng công nghệ Blockchain trên thị trường chứng khoán thế giới và gợi ý cho Việt Nam.

Phạm Khánh Duy¹, Lê Vũ Linh Toàn²

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: duy.pham@ueh.edu.vn

² Trường ĐH Văn Lang

Tóm tắt:

Trong xu hướng chuyển đổi số toàn cầu, việc ứng dụng công nghệ chuỗi khối (blockchain) trên thị trường chứng khoán đã và đang được nghiên cứu và dần triển khai tại nhiều quốc gia. Để bắt kịp xu hướng và đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng tăng của thị trường chứng khoán Việt Nam, việc nghiên cứu ứng dụng blockchain vào thực tiễn là một cơ hội tiềm năng đáng cân nhắc. Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn, tổng hợp thực trạng ứng dụng blockchain trên thị trường chứng khoán quốc tế, từ đó đưa ra những gợi ý, đề xuất cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

Từ khóa: *Blockchain, thị trường chứng khoán, Việt Nam.*

Code 36.

Insurtech development in Southeast Asia.

Pham Khanh Duy¹, Huynh Thuy Duong²

¹ Corresponding author, UEH, email: duy.pham@ueh.edu.vn

² UEH.

Abstract:

FinTech has expanded tremendously during the last few years throughout the Southeast Asia area. InsurTech is one of the most essential areas of FinTech, in which the achievements of science and technology have been applied to help this field have significant development. InsurTech is considered an inevitable development trend of the insurance market, which allows the financial industry and the economies in Southeast Asian development. Over the years, the Insurtech environment in Southeast Asia has shown its dynamism, as evidenced by the emergence of a series of Insurtech startups. This article refers to the development situation of Insurtech in 4 specific countries in Southeast Asia. This article relates to the development situation of Insurtech in 4 typical countries in Southeast Asia. From the data mentioned in the article, we can predict a promising future in this field.

Keywords: *Insurtech, Fintech, Insurance.*

Code 37.

Sự phát triển của Fintech trên thế giới: trước và trong đại dịch Covid - 19.

Phạm Khánh Duy¹, Đào Kim Anh²

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: duy.pham@ueh.edu.vn

² UEH

Tóm tắt:

Fintech là đề tài đang được quan tâm nhất ở các nước Đông Nam Á nói riêng và trên toàn thế giới nói chung. Những năm gần đây, Fintech đã phát triển nhanh chóng trong hầu hết các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực ngân hàng. Thực trạng Fintech trong thời gian qua và xu hướng phát triển trong tương lai được xem xét trong bài nghiên cứu này. Trọng tâm của bài này là khai thác tổng quan về thực trạng Fintech trong thời gian qua ở các nước Đông Nam Á và thế giới.

Từ khóa: *Công nghệ tài chính, Fintech.*

Code 38.

The current state of Fintech in the world and Vietnam - Proposals for banks and Fintech to develop together in Vietnam.

Pham Khanh Duy¹, Pham Huynh Thu Uyen²

¹ Corresponding author, UEH, email: duy.pham@ueh.edu.vn

² UEH.

Abstract:

Fintech has always been a "hot" keyword for the banking and finance sector in the world. The US and China are the world leaders in Fintech with a complete Fintech ecosystem. Singapore and Indonesia are the two leading countries in Fintech in Southeast Asia. Looking at the current situation of the Fintech market in other countries and comparing it with the situation in Vietnam, it is possible to draw lessons from experience and make suggestions for parties to develop the Vietnamese Fintech market.

Keyword: *Fintech startup, policies, cooperation.*

Code 39.

Fintech và tác động của Fintech đến ngành ngân hàng: tổng kết nghiên cứu.

Gong Xiao Wen¹, Phan Chung Thuỷ², Trương Thị Nhi³, Vũ Minh Tuấn⁴

¹Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: wengong625.k44@st.ueh.edu.vn

² Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

³ Khoa Tài chính Ngân hàng, UEH - Phân hiệu Vĩnh Long

⁴ Văn phòng Quốc Hội Việt Nam

Tóm tắt:

Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ và nhận được nhiều sự quan tâm đặc biệt của dư luận trong thời gian gần đây. Đối với thế giới tài chính, cuộc cách mạng này đã khai sinh ra một thế hệ startup mới mang tên gọi chung là Fintech – các công ty khởi nghiệp bằng công nghệ tiên tiến dựa trên nền tảng Internet. Hầu hết các công ty Fintech khởi nghiệp với

dịch vụ thanh toán, tuy nhiên ở nhiều lĩnh vực khác trong thế giới tài chính, bằng những chiến lược riêng của mình, Fintech đang cạnh tranh gián tiếp hoặc trực tiếp với những mảng vốn là độc quyền của các ngành dịch vụ tài chính truyền thống như huy động vốn, cho vay, quản lý tài sản... Nhiều kết quả nghiên cứu cho thấy Fintech trong thời gian đây đã có những tác động to lớn lên thế giới tài chính và các định chế tài chính truyền thống. Bài nghiên cứu sẽ khảo sát các kết quả nghiên cứu liên quan đến Fintech được xuất bản trên các nghiên cứu uy tín về lĩnh vực tài chính, kế toán và quản lý hàng đầu từ năm 2010 đến năm 2019. Bài nghiên cứu nhằm mục đích cung cấp đánh giá quan trọng về tài liệu, xác định vị thế của Fintech trên thị trường tài chính, tìm ra lỗ hổng trong các bài nghiên cứu, cấu trúc chương trình nghiên cứu mạch lạc và rõ ràng để cung cấp nền tảng cho công việc học thuật và cuối cùng nhằm mục đích xác định các thách thức và xu hướng cho nghiên cứu tương lai. Song song đó, bài nghiên cứu sẽ phân tích cụ thể và phân loại Fintech nhằm nắm rõ kiến thức trong các lĩnh vực chính như phân tích văn bản, giao dịch thuật toán, cho vay Fintech, blockchain, tiền điện tử, và việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong các dịch vụ tài chính. Kết quả của nghiên cứu này cung cấp cơ sở lý thuyết cho các nghiên cứu Fintech từ góc độ hệ thống thông tin, bao gồm cả việc xây dựng khái niệm công nghệ Fintech và sự phát triển của chúng. Ngoài ra, Fintech sẽ là một miền đất hứa với khởi nghiệp tại Việt Nam. Đây cũng là một cơ sở trích dẫn quan trọng cho những nghiên cứu tiếp theo trong lĩnh vực này. Các ý kiến, phản ánh quan trọng của các tác giả uy tín khác cũng được trình bày trong bài nghiên cứu này, và đồng thời, các chương trình nghiên cứu trong tương lai về chủ đề Fintech cũng được đề xuất.

Từ khoá: *Fintech, ngân hàng, công nghệ tài chính, cách mạng kỹ thuật số, giao dịch kỹ thuật số, cho vay fintech, tiền điện tử, big data.*

CHỦ ĐỀ 4: KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG CÔNG NGHỆ 4.0

Code 40.

Bancassurance: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam trước cách mạng công nghệ 4.0.

Lê Minh Triết¹, Phạm Trường Thịnh², Phan Chung Thủy³, Phan Thu Hiền⁴

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Kinh tế Luật, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, email: trietlm@vlute.edu.vn

² Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

³ Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

⁴ Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

Tóm tắt:

Bancassurance, thuật ngữ dùng để chỉ sự hợp tác giữa Ngân hàng và Bảo hiểm, là một mô hình kinh doanh không còn xa lạ của ngành ngân hàng. Trong giai đoạn dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp thời gian qua bancassurance là điểm sáng cho ngành ngân hàng khi chất lượng tín dụng liên tục sụt giảm. Tuy nhiên, hiện tại các nghiên cứu về bancassurance tại Việt Nam chủ yếu sử dụng cách tiếp cận thực tế với phương pháp thống kê mô tả đơn giản mà chưa có các nghiên cứu sử dụng những phương pháp tiếp cận khoa học. Do đó, mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động bancassurance. Ngoài ra nghiên cứu cũng đưa ra những bằng chứng cho những đánh giá về cơ hội và thách thức cho chuyển đổi số của ngành tài chính ngân hàng trong tương lai. Bằng cách sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính bằng phương pháp phỏng vấn chuyên sâu với hơn 10 quản lý, chuyên gia ngân hàng. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng mối quan hệ giữa nhân viên ngân hàng và khách hàng, cùng uy tín của ngân hàng quyết định việc khách hàng có sử dụng bancassurance hay không. Từ đó cho thấy thách thức của kênh bancassurance trước cách mạng công nghệ 4.0 khi công nghệ dần thay thế yếu tố con người.

Từ khoá: *Bancassurance, cơ hội và thách thức, chuyển đổi số, công nghệ 4.0.*

Code 41.

Quy định và chính sách về tín dụng xanh trong hệ thống ngân hàng Việt Nam – trường hợp nghiên cứu tại ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Đỗ Hoài Linh¹, Trần Đức Anh², Khúc Thế Anh³, Lại Thị Thanh Loan⁴

¹ Tác giả liên lạc, Viện Ngân hàng – Tài chính, Đại học Kinh tế Quốc dân, email: linhdh@neu.edu.vn

² Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

³ Viện Ngân hàng – Tài chính, Đại học Kinh tế Quốc dân

⁴ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Tóm tắt:

Tín dụng xanh trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm các hoạt động của ngân hàng nhằm hướng đến mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững các thành phần khác nhau trong nền kinh tế. Do đó, đã có rất nhiều các quy định đặt ra để phát triển hoạt động tài chính xanh nói chung và tín dụng xanh nói riêng trong hệ thống ngân hàng – đặc biệt là ngân hàng thương mại. Nghiên cứu này tập trung vào vấn đề chính sách và định hướng của chính phủ Việt Nam – và lấy Ngân hàng Đầu tư và Phát triển làm nghiên cứu điển hình. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài là phương pháp định tính thông qua phỏng vấn các chuyên gia trong lĩnh vực. Từ đó, nhóm tác giả đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm cải thiện các quy định và thúc đẩy phát triển hoạt động tín dụng xanh trong ngành Ngân hàng.

Từ khóa: *Tài chính xanh, hệ thống ngân hàng, chính sách, Việt Nam.*

Code 42.

The role and influence of the online social network, personal traits and consumers' subjective perceptions on the purchase intention of organic foods.

Nguyen Quang Truong², Nguyen Vinh Huy³, Le Đang Anh Dung⁴, Tran Le Hai Vy⁵, Le Thi Hong Minh⁶

¹ Corresponding author, UEH, email: truongnguyen386.k44@st.ueh.edu.vn

² UEH

³ UEH

⁴ UEH

⁵ UEH

⁶ UEH

Abstract:

The concern of Vietnamese people about health issues has been increasing in recent times. Leads to the strong development of organic food in the market. To better understand the effects on intention to buy organic food and the level of influence. The model proposes the premise of agents (online social network, personal traits and consumers' subjective perceptions) on the purchase intention of organic foods. The study is based on data from 350 working people in HCMC and the results show that attitude.

Keywords: *Online social network, personal traits, purchase intention, organic foods.*

Code 43.

Developing financial inclusion: A view from the stability of Southeast Asian countries' banks.

Nguyen Tu Nhu¹, Tram Thi Xuan Huong²

¹ Corresponding author, UEH, email: nhunt@ueh.edu.vn

² UEH

Abstract:

The research focuses on measuring the impact of developing financial inclusion on the stability of Southeast Asian countries' banks from 2008 to 2017. The reliable results show that developing financial inclusion has a positive effect on banking stability. This important empirical evidence is useful for bank managers and policy makers in these countries. By the way, the study proposes appropriate solutions to help to build effective strategies for developing financial inclusion in the future.

Keywords: *Financial inclusion, stability, commercial bank, Southeast Asian countries.*

Code 44.

Hoạt động phòng chống rửa tiền điện tử trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Phạm Khánh Duy¹, Cao Thượng Thiên Trang²

¹ Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: duy.pham@ueh.edu.vn

² UEH

Tóm tắt:

Tiền điện tử đang phát triển ngày càng nhanh, mở ra nhiều cơ hội nhưng bên cạnh đó cũng mang theo những rủi ro, mà cụ thể trong nghiên cứu này là rủi ro sử dụng tiền điện tử để rửa tiền. Bài học kinh nghiệm từ việc quan sát và phân tích cách tiếp cận vấn đề của Mỹ và Anh đối với sự phát triển của tiền điện tử, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong công cuộc phòng chống rửa tiền điện tử. Qua đó không chỉ giúp Việt Nam phòng chống các hoạt động rửa tiền qua tiền điện tử mà còn tạo niềm tin cho các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào nước ta.

Từ khóa: *Rửa tiền, tiền điện tử, phòng chống rửa tiền.*

Code 45.

A sketch method for automated redesign and verification of inter - organizational procedures based on deontic process modeling.

Vu H. Nguyen¹, Ronald M. Lee²

¹ Corresponding author, UEH, email: vunh@ueh.edu.vn

² Retired, Florida International University, Miami, USA

Abstract:

Underpinning most inter-organizational procedures are deontic relations, which are about rights and obligations of the parties. A typical example of inter-organizational procedures is the letter of credit procedure in trade finance, which involves many parties. When all parties trust each other, they are willing to fulfill their obligations and honor the counter parties' rights; thus controls may not be needed. The challenge is in cases where trust may not be assumed. In these cases, the parties typically insert various controls into their procedures to reduce their exposure to the risk of opportunism. Over time, controls pile up and tangle with other activities, making it difficult to manage and reengineer evolving procedures.

In this paper, we sketch a method for redesign and verification of inter-organizational procedures. Instead of looking at a surface procedure, which is the flow of documents and data among the parties, the research examines the underlying deontic purpose of the procedure, the so-called deontic process, and identifies control requirements to secure this purpose. The vision of the research is a formal theory for automated redesign and verification of inter-organizational procedures, which could be implemented in the form of smart contracts.

Keywords: *Inter-organizational procedure, inter-organizational smart contract, deontic process, design method, verification method.*

Code 46.

Khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của các cá nhân sản xuất kinh doanh tại quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Nguyễn Ngọc Thiện¹, Phan Thu Hiền², Thân Thị Thu Thủy³

¹Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số kiến thiết Cần Thơ

²Tác giả liên lạc, Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH, email: phanthuhien@ueh.edu.vn

³Khoa Ngân hàng, Trường Kinh doanh, UEH

Tóm tắt:

Các cá nhân sản xuất kinh doanh có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội tại quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, thời gian qua việc tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn quận Thốt Nốt vẫn gặp nhiều khó khăn. Bài nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy nhị phân logit để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng với số lượng quan sát trong mẫu nghiên cứu gồm 119 cá nhân sản xuất kinh doanh. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra có 06 yếu tố có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của các cá nhân sản xuất kinh doanh tại quận Thốt Nốt gồm có: tài sản thế chấp, giới tính, thủ tục vay vốn, thu nhập, học vấn và độ tuổi.

Từ khóa: *Cá nhân sản xuất kinh doanh, tín dụng chính thức, Thốt Nốt.*